TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **45**/2022/HSST
Ngày 30/3/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Hoàng Quy

2/ Bà Nguyễn Thị T

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Lê Thị Hoài Diễm.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Đức Xuân Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/HSST-QĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Võ Ngọc D, Sinh ngày 13/10/2003 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Nơi sinh sống: ấp Bưng Môn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 06/12. Dân tộc: Kinh.

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Võ Văn U, sinh năm: 1973 và bà Lê Thị N, sinh năm 1972.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 10/5/2021, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành khởi tố về hành vi "Gây rối trật tự công cộng".

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2/ Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 06/11/2004 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Nơi sinh sống: Ấp C, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 10/12. Dân tộc: Kinh.

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1975 và bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1986.

Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị hại: Anh Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/7/2004.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc D: Bà Nguyễn Thị Hoài T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai, số B, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T: Bà Lê M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai, số B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc T:*

Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

Ông Bùi Quốc C và bà Phạm Thu T

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 13 giờ 30 phút ngày 07/01/2021, Nguyễn Ngọc T sinh ngày 06/11/2004 điều khiển xe mô tô biển số 60C1-357.61 chở phía sau Võ Ngọc D sinh ngày 13/10/2003 đi trên đường ấp B, xã L, huyện L thì suýt va chạm với xe mô tô không rõ biển số do Nguyễn Thành L điều khiển chở phía sau Nguyễn Trần Hoàng Đ và Trần Ngọc T đi hướng ngược lại nên D kêu T quay xe đuổi theo L khoảng 300 m thì đuổi kịp, cả 02 xe dừng lại. Lúc này, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên nói với T "mày hỏi tụi nó có tiền không, cho tiền đổ xăng" thì T quay qua nói với nhóm của Long "Tụi mày có tiền không cho tao tiền đổ xăng", cùng lúc này D lấy trong cốp xe 01 con dao Thái Lan dài 21cm, lưỡi bằng kim loại, cán màu vàng dài 21 cm gõ lên đầu xe mô tô và hỏi "tụi mày muốn chơi dao, hay tay hay nón nảo hiểm" nhằm mục đích đe dọa cho nhóm của L buộc phải đưa tiền. Do lo sợ bị đánh nên L liền lấy 20.000 đồng đưa cho D, D lấy cất vào túi quần. Sau đó, D yêu cầu nhóm L đưa điện thoại thì L đưa cho D 01 điện thoại Samsung Galaxy A51, màu xanh, Đông đưa cho D 01 điện thoại Oppo A31 đã bị bể màn hình, D lấy 02 điện thoại sau đó trả lại cho Đông điện thoại bị bể do Đông đưa và D giữ lại điện thoại của L, D kiểm tra phía trong ốp lưng có 200.000 đồng nên D lấy số tiền trên và trả lại cho L 20.000 đồng đã lấy trước đó. Xong, D và T lên xe bỏ đi. D mang điện thoại về đưa cho mẹ là Lê Thị N sử dụng nói là điện thoại nhặt được, còn số tiền 200.000 đồng D và T tiêu xài hết. (Bút lục 77-86)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 80 ngày 14/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A51, màu xanh đã qua sử dụng trị giá 2.500.000 đồng.

Vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh do bị can D tự nguyện giao nộp, Cơ quan điều tra Cơ quan đã trả lại cho bị hại.

- 01 dao Thái Lan dài 21cm, lưỡi bằng kim loại, cán màu vàng do bị cáo T giao nộp là phương tiện các bị cáo sử dụng phạm tội.

- Đối với xe mô tô biển số 60C1-357.61 do ông Nguyễn Ngọc L là chủ sỡ hữu, ông L cho bị cáo T mượn nhưng không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu hồi, xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo D đã tự nguyện bồi thường số tiền 200.000 đồng cho bị hại L, bị hại đã nhận lại điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành các bị cáo Võ Ngọc D và Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập đúng trình tự pháp luật có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSLT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Võ Ngọc D và Nguyễn Ngọc T về tội danh: "Cướp tài sản" được quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo điều khoản nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d, Khoản 2, Điều 168; điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Võ Ngọc D từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; Căn cứ điểm d, Khoản 2, Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Ngọc D và Nguyễn Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Lúc 13 giờ 30 phút ngày 07/01/2021, tại ấp B, xã L, huyện L, Võ Ngọc D sinh ngày 13/10/2003 với vai trò chủ mưu cùng Nguyễn Ngọc T sinh ngày 06/11/2004 có hành vi dùng 01 dao Thái Lan đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc chiếm đoạt của Nguyễn Thành L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51 có trị giá 2.500.000 đồng và số tiền mặt 200.000 đồng. Tổng cộng trị giá tài sản D và T chiếm đoạt là 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Hành vi của các bị cáo Võ Ngọc D và Nguyễn Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Long Thành truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét hành vi của các bị cáo Võ Ngọc D và Nguyễn Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì lòng tham và muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không phải lao động, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Võ Ngọc D là người chủ mưu, đồng thời là người trực tiếp dùng dao đe dọa bị hại, bị cáo Nguyễn Ngọc T khi nghe D rủ rê thì cũng đồng ý và có hành vi giúp sức cùng với D đe dọa bị hại. Do đó, mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của mình.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Bị cáo Võ Ngọc D có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, ngày 10/5/2021 bị cáo tiếp tục bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành khởi tố về hành vi "gây rối trật tự công cộng", cho thấy bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi phạm tội các bị cáo là người dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, áp dụng nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi đối với các bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội

một thời gian nhất định để các bị cáo tập trung cải tạo, rèn luyện để có thể trở thành một công dân tốt, đồng thời để răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh do bị cáo Võ Ngọc D tự nguyện giao nộp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thành Long là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 dao Thái Lan dài 21cm, lưỡi bằng kim loại, cán màu vàng do bị cáo Nguyễn Ngọc T giao nộp, đây là phương tiện các bị cáo sử dụng phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô biển số 60C1-357.61 do ông Nguyễn Ngọc L là chủ sở hữu, ông Lâm cho bị cáo T mượn nhưng không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu hồi là đúng quy định pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Võ Ngọc D đã tự nguyện bồi thường số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng cho bị hại Nguyễn Thành L, bị hại đã nhận lại điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[6] Về tính hợp pháp của các quyết định, hành vi tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[7] Đối với bà Lê Thị N (mẹ ruột D) được D đưa cho sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 nhưng không biết điện thoại do D đưa là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo Võ Ngọc D và Nguyễn Ngọc T phạm tội: "Cướp tài sản".

Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc D 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 dao Thái Lan dài 21cm, lưỡi bằng kim loại, cán màu vàng (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Võ Ngọc D và Nguyễn Ngọc T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THA DS H. Long Thành;
- Bộ phận HS nghiệp vụ CAH. Long Thành;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Hữu Ngọc